TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: **97** /2017/HSST
Ngày 22.11.2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Đặng Ngọc Kinh Luân**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xoa

2. Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà : **Ông Trương Thanh Phúc** - Cán bộ Toà án nhân dân quận HC, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HC tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Tuyết Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận HC, thành phố Đà Nẵng mở phiên toà ông khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 87/2017/HSST ngày 11/10/2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Phương T, sinh ngày 04 tháng 2 năm 1983.Nơi đăng ký HKTT: 71 LTH, phường PTH, quận TP, thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: b LTH, PTH, TP , TP. HCM; tr×nh ®é văn hóa : 12/12; nghÒ nghiÖp: Kỹ sư điện; con ông Nguyễn Bá Th, và bà Nguyễn Nguyệt Th' có vợ là Hoàng Thị Phương N, có 02 (lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2012)

Về nhân thân:

-Năm 2012 bị TAND quận BT, TP. HCM xử phạt 05 tháng tù cho hưởng án treo về tội đánh bạc.

-Năm 2013 bị TAND quận N TP. HCM xử phạt 06 tháng tù về tội vị phạm qui định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

Bị bắt ngày 01/12/2016, *có mặt tại phiên tòa*

2. Nguyễn Thị P, Sinh ngày 15 tháng 5 năm 1960; Nơi đăng ký HKTT: số h đường PCT, quận HC, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: số hh PCT, quận HC, thành phố Đà Nẵng; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Nguyên là Giám đốc C' ty TNHH KBM; con ông: Nguyễn Quang S (chết) và bà Huỳnh Thị Đ (chết), có chồng là Lê Đình T (1959) và 02 (con lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1989); Tiền án, tiền sự: chưa. Bị bắt tạm giam ngày 8/12/2016 đến ngày 24/01/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại, *có mặt tại phiên tòa.*

3. Trần Thị Th, Sinh ngày 07 tháng 3 năm 1990. Nơi đăng ký HKTT: thôn L, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị ; chỗ ở hiện nay: số e đường TĐ, quận C, thành phố Đà Nẵng ; trình độ học vấn : 12/12; Nghề nghiệp, nơi làm việc: nguyên Giám đốc C' ty TNHH NGB; Con ông: Trần Vũ N(1964) và bà Nguyễn Thị Th (1964), có chồng là Nguyễn Lương Q và 01 con sinh ngày 24/10/2015.Tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo hiện đang tại ngoại, *có mặt tại phiên tòa.*

Những người tham gia tố tụng:

1. C' ty CP ôtô QPH. Địa chỉ: số a NHT, phường KTr, quận C, Đà Nẵng. Người đại diện: Đào Hoài M – Chủ tịch HĐQT. Người được ủy quyền: Nguyễn H - Kế toán trưởng, *có mặt*

2. C' ty TNHH TVXL. Địa chỉ: aa TCS, Phường HCN, quận HC, Đà Nẵng. Người đại diện: Kiều Thị Th - Giám đốc, *vắng mặt*

3. C' ty CP MTDT Đà Nẵng. Địa chỉ số z NT, Phường HCN, quận HC, Đà Nẵng. Người đại diện: Đặng Đức V – Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền Ông Đỗ Văn T, chức vụ : Kế toán trưởng, *có mặt*

4. C’ ty TNHH Thương mại và dịch vụ THH. Địa chỉ: Lô xxx Th.L, phường AHB, quận S, Đà Nẵng. Người đại diện: Giáp Thanh H – Chủ tịch kiêm Giám đốc, *vắng mặt*

5. C’ ty TNHH Một Thành viên YT. Địa chỉ: xx đường U , Phường HCN, quận HC, Đà Nẵng. Người đại diện: Trần Thị Y – Giám đốc, *vắng mặt*

6. Doanh nghiệp tư nhân LT. Địa chỉ: xx NQ,phường AHB, quận S, Đà Nẵng. Người đại diện: Nguyễn Đình D – Giám đốc, *vắng mặt.*

7. C’ ty TNHH Trang thiết bị điện MW Việt Nam. Địa chỉ: Số a đường TX, khu phố e, phường TX, quận U, TP Hồ Chí Minh. Người đại diện: Kim Seok D – Giám đốc. Người được ủy quyền: Nguyễn Thị Thanh Tr – Nhân viên, *vắng mặt.*

8. C’ ty CP tư vấn kiến trúc & xây dựng A’. Địa chỉ: A ĐPT, phường KTr, quận C, Đà Nẵng. Người đại diện: Hà Tr – Chủ tịch hội đồng – Giám đốc công ty, *có mặt*

9. C’ ty TNHH Dịch vụ thương mại và phát triển T.A. Địa chỉ: Đội 1 AM, Phường T.H, Thị xã S.T, Hà Nội. Người đại diện: Nguyễn Duy T – Giám đốc, *vắng mặt.*

10. C’ ty TNHH Thương mại & Dịch vụ quảng cáo mỹ thuật X.T. Địa chỉ: z OIK, phường T.B, quận HC, Đà Nẵng. Người đại diện: Thái Hoàng P - Chủ tịch hội đồng thành viên – Giám đốc công ty, *vắng mặt*

11. C’ ty TNHH ĐPT. Địa chỉ: x/y TCV, phường Q, quận T, Đà Nẵng. Người đại diện: Nguyễn Đức Q - Chủ tịch hội đồng thành viên – Giám đốc công ty, *vắng mặt.*

12. C’ ty T Đà Nẵng. Địa chỉ: Đường HNT, Tổ x, Phường HCN, quận HC, Đà Nẵng. Người đại diện: Mai M – Giám đốc. Ủy quyền cho ông Đặng Văn X – Chức vụ : Kế toán trưởng công ty, *có mặt*

13. C’ ty TNHH PĐA. Địa chỉ: số j NPN,phường AK, quận T, Đà Nẵng. Người đại diện: Nguyễn Hữu Nh - Chủ tịch hội đồng thành viên – Giám đốc, *vắng mặt.*

14. C’ ty CP xây dựng L. Địa chỉ: Lô x XV, Phường HCN, quận HC, Đà Nẵng. Người đại diện: Trần Anh Kh - Chủ tịch hội đồng quản trị, *vắng mặt.*

15. C’ ty TNHH HH. Địa chỉ: P.S, HKh, H.V, Đà Nẵng. Người đại diện: Trần H –Giám đốc, *vắng mặt.*

16. C’ ty TNHH MTV TMDV CQM. Địa chỉ: x LĐL, phường. VTr, quận HC, Đà Nẵng. Người đại diện: Trương Thị T – Giám đốc. Người được ủy quyền: Trần Quang Ch – Trưởng phòng kinh doanh, *có mặt.*

17. C’ ty CP xây dựng K.N.P. Địa chỉ: số k MTB, Phường HCN, quận HC, Đà Nẵng. Người đại diện: Đinh Hoàng V – Giám đốc, *vắng mặt.*

18. C’ ty TNHH Thương mại & xây lắp điện công nghiệp T.N.M. Địa chỉ: s đường H, p. TCh, q. T, Đà Nẵng. Người đại diện: Phạm Ngọc B – Giám đốc, *vắng mặt*

19. C’ ty TNHH MTV XD và TM T.N.P. Địa chỉ: số z đường A, Phường HKB, quận L, Đà Nẵng. Người đại diện: Nguyễn Văn B – Giám đốc, *vắng mặt.*

20. C’ ty TNHH Dịch vụ vận tải B.BP. Địa chỉ: Tầng lửng tòa nhà S, số u đường VVT, p. Gi, q. T, Đà Nẵng, *vắng mặt.*

21. Chi nhánh công ty cổ phần F.VN - Nhà máy cơ khí chế tạo. Địa chỉ: Đường số x, KCN HKh, quận L, Đà Nẵng. Người đại diện: Trần C’ D– Giám đốc, *vắng mặt.*

22. C’ ty cổ phần công nghệ gạch không nung Th.Đ. Địa chỉ: số h đường K, p. HM, quận L, Đà Nẵng. Người đại diện: Trương Xuân P – Tổng Giám đốc, *vắng mặt.*

23. C’ ty TNHH L.A. Địa chỉ: số v đường NQ, phường AHB, quận S, Đà Nẵng. Người đại diện: Nguyễn Kim Th – Giám đốc, *vắng mặt.*

24. C’ ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng V.Kh. Địa chỉ: p đường PBP, p. T.A, Tp H, Quảng Nam. Người đại diện: Văn C’ D- Chủ tịch hội đồng thành viên – Giám đốc công ty, *có mặt.*

25. C’ ty TNHH MTV XD & TM H.T. Địa chỉ: Tổ x, p. H.P, quận C, Đà Nẵng. Người đại diện: Phạm Thị Diệu H – Giám đốc, *vắng mặt*

26. C’ ty TNHH Thép Z. Địa chỉ: số l TS, phường T.B, quận HC, Đà Nẵng. Người đại diện: Nguyễn Thị Bích T – Giám đốc, *vắng mặt.*

27. C’ ty TNHH Thiết bị điện và phụ tùng ô tô P.G. Địa chỉ: Tổ v, p. KTr, quận C, Đà Nẵng. Người đại diện: Hồ Thanh H – Giám đốc, *vắng mặt.*

28. C’ ty TNHH TM- XNK MHT. Địa chỉ: ii đường u, KP 3, P. BA, quận U, tp HCM. Người đại diện: Trần Thị Kim P – Giám đốc, *vắng mặt.*

29. C’ ty THHH TC. Địa chỉ số v đường TCV, quận T, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

30. C’ ty THHH MTV QTP. Địa chỉ xx Trần Quang K, phường TQ, quận S, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

31. C’ ty THHH TM – DV Quảng cáo và in ấn M.M. Địa chỉ K1xx/yy đường P, quận T, thành phố Đà Nẵng, Ông Phan M là Giám đốc, có mặt

32. C’ ty THHH MTV in S.T. Địa chỉ số b đường NTT, quận HC thành phố Đà Nẵng, Bà Trịnh Ngọc T là Giám đốc, có mặt.

33. Chi Cục Thuế quận S, thành phố Đà Nẵng. Ủy quyền cho ông Trần Văn Tr – Chức vụ : Đội trưởng đội X, *có mặt.*

34. Chi Cục Thuế quận T, thành phố Đà Nẵng, Ủy quyền cho ông Lê Hà P. Chi cục thuế, *có mặt.*

35. C’ ty CP xây lắp 1P. Địa chỉ số h NVC, phường G, quận L, thành phố Đà Nẵng, ủy quyền cho ông Lý Anh T, *có mặt.*

36. Ngân hàng Đ chi nhánh Đà Nẵng. Địa chỉ số f đường N, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

37.C’ ty CP KT. Địa chỉ số n đường L, quận S thành phố Đà Nẵng, bà Võ Thị N là Giám đốc, *có mặt.*

38. C’ ty THHH VG. Địa chỉ số i đường J, quận S, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

39. C’ ty CP ô tô VH. Địa chỉ 1x đường k, quận HC, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

40. C’ ty TNHH MTV ĐC. Địa chỉ ii đường XV, quận HC, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

41. C’ ty TNHH AP. Địa chỉ tổ l phường HCB, quận HC, thành phố Đà Nẵng, *có mặt.*

42. Doanh nghiệp tư nhân TK. Địa chỉ số v, PCT thành phố Quảng Ngãi, *vắng mặt.*

52. C’ ty CP ĐHP. Địa chỉ thôn A, xã A.T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, *vắng mặt.*

53. DNTN Q. Địa chỉ thôn N, xã P, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế, *vắng mặt.*

54. C’ ty TNHH TM & DV HĐ. Địa chỉ h đường K, khu phố n, phường HBC, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh, *vắng mặt.*

55. C’ ty TNHH BA. Địa chỉ số k đường K phường HBC, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh, *vắng mặt.*

56. C’ ty TNHH TMV – XNK TNT, phường B, quận i, thành phố Hồ Chí Minh, *vắng mặt.*

57.C’ ty TNHH TM- DV- XNK P.M.N. Địa chỉ 1** đường T , phường TX, quận U, thành phố Hồ Chí Minh, *vắng mặt.*

58. C’ ty TNHH TM &DV A. Địa chỉ số B đường T, phường TX, quận U, thành phố Hồ Chí Minh, *vắng mặt.*

59. C’ ty TNHH P. Địa chỉ tổ x phường KTr, quận C, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

60. Bà Nguyễn Thị Ng – sinh năm 1960. Địa chỉ Kx/y đường Nt, phường T.g, quận T, thành phố Đà Nẵng,*vắng mặt.*

61. Bà Trương Thị V – sinh năm 1960. Địa chỉ xyz đường P, quận HC, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

62. Ông Phạm Văn Ng – sinh năm 1972. Địa chỉ Tổ a phường Ht, quận C, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

63. Ông Nguyễn Văn Tiến T- sinh năm 1986. Địa chỉ Tổ f phường KTr, quận C, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

64. Ông Hồ Văn Tr – sinh năm 1979. Địa chỉ Tổ v phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

65. Ông Phan Duy A- sinh năm 1981. Địa chỉ số x đường H, quận T, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

66. Ông Mai Q L – sinh năm 1983. Địa chỉ tổ n, phường S, phường Hh', quận NHS, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

67. Bà Trần Thị Thanh Đ- sinh năm 1969. Địa chỉ tổ K phường HM, quận L, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

68. Ông Giáp Thanh H- sinh năm 1979. Địa chỉ khu g phòng XX chung cư P, phường HTĐ, quận C, thành phố Đà Nẵng,*vắng mặt.*

69. Ông Nguyễn Đình D- sinh năm 1976. Địa chỉ số i đường NQ, phường AH, quận S, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

70. Ông Nguyễn Đức H- sinh năm 1991. Địa chỉ tổ v thôn D, xã G, huyện HV, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

71. Ông Lê Văn T- sinh năm 1983. Địa chỉ thôn H, xã D, huyện XX, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

72. Bà Nguyễn Thị Thanh Th- sinh năm 1986. Địa chỉ tổ l khu dân cư H, phường P, thị xã S.T, thành phố Hà Nội, *vắng mặt.*

73. Ông Nguyễn Đặng Nhất D- sinh năm 1981. Địa chỉ tổ h phường AK, quận T, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

74. Bà Cù Nguyễn Thanh Tr- sinh năm 1979. Địa chỉ số u đường H, phường AHB, quận S, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt*

75. Ông Nguyễn Thanh C- sinh năm 1967. Địa chỉ Kx/y đường k thành phố Đà Nẵng, *có mặt*

76. Bà Hồ Nguyên Thiên C – sinh năm 1986. Địa chỉ số j đường Tr, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

77. Bà Hồ Thị Cầm D- sinh năm 1974. Địa chỉ số o Tđt, phường KTr, quận C, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

78. Ông Trần Duy Ch- sinh năm 1991. Địa chỉ số e đường L, phường VTr, quận T, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

79. Bà Lê Thị Đ - sinh năm 1982. Địa chỉ số p đường I, phường TQ, quận S, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

80. Bà Phạm Thị Ngọc H- sinh năm 1985. Địa chỉ Lô v TNĐ, phường HM, quận L, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

81. Bà Đỗ Cẩm H – sinh năm 1981. Địa chỉ số i OIK, thành phố Đà Nẵng,*vắng mặt.*

82. Bà Nguyễn Thị Mỹ L- sinh năm 1982. Địa chỉ xx/y HV, phường VTr, quận T, thành phố Đà Nẵng, *có mặt.*

83. Bà Trà Thị Lệ M- sinh năm 1975. Địa chỉ yy/z OIK, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

84. Ông Lê Văn H- sinh năm 1979. Địa chỉ thôn C, xã B, huyện HV, thành phố Đà Nẵng,*vắng mặt.*

85. Ông Đặng Văn X. Địa chỉ : Phòng K công ty T Đà Nẵng, *có mặt*

86. Ông Đào Văn C. Địa chỉ Thôn q, xã D, huyện XX, tỉnh Quảng Nam, *vắng mặt.*

87. Sở KH thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

88. Ông Trần Viết S. Địa chỉ số y đường N, quận S, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt.*

89. Chi cục thuế quận C, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt*

90. Ông Nguyễn Hoài N- sinh năm 1972. Địa chỉ y đường J, quận T, thành phố Đà Nẵng, *có mặt.*

91. Đoàn Việt Th- sinh năm 1983. Địa chỉ : Đội Q, công ty T Đà Nẵng, *có mặt.*

92. Hoàng Thị Phương N. Trú tại 71 LTH, PTH, TP , TP.HCM, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Bị cáo Nguyễn Phương T, Nguyễn Thị P, Trần Thị Th bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Từ tháng 08/2014 đến tháng 03/2016, Nguyễn Phương T thành lập 02 Cty TKN và NGB để mua bán trái phép hóa đơn GTGT thu lợi bất chính. Nguyễn Phương T đã trực tiếp hoặc thông qua các trung gian Nguyễn Thị P và Trần Thị Th bán 1472 tờ hóa đơn, doanh số chưa thuế 42.162.969.097 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.373.140.000 đồng; qua trung gian Nguyễn Phương T mua 117 hóa đơn của doanh nghiệp khác với doanh số chưa thuế 42.329.112.837 đồng để hợp thức đầu vào, tự khấu trừ thuế nhằm che giấu hành vi bán trái phép hóa đơn GTGT của mình.

Cơ quan điều tra xác định hành vi của Nguyễn Phương T và những người liên quan như sau:

1. Hành vi của Nguyễn Phương T:

1.1 Thành lập hai doanh nghiệp nhằm mục đích bán hóa đơn:

- Cty TNHH Thương mại dịch vụ TKN:Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0401618611 do Sở KH TP Đà Nẵng cấp.Ngành nghề kinh doanh: xây dựng, buôn bán vật liệu, máy móc thiết bị …

Ngày 18/8/2014, được sự giúp sức của Trần Thị Th, Nguyễn Phương T thành lập Cty TKN, địa chỉ: số h đường H, P. AHB, Q. S, TP Đà Nẵng gồm 02 thành viên do T làm Giám đốc, người đại diện theo pháp luậtvà thành viên có tên Trần Minh T’. Qua xác minh, Trần Minh T’ không sinh sống tại địa phương, đi đâu không rõ.T khai nhặt được CMND rồi giả chữ ký của T’ để đăng ký.Ngày 12/11/2014, Cty thay đổi địa điểm kinh doanh sang địa chỉ: số a NQ, P. AHB, Q. S, TP Đà Nẵng.Xác minh các địa chỉ trên không có văn phòng, không treo biển hiệu, không có hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế.

Ngày 08/12/2014, Nguyễn Phương T sử dụng CMND mang tên Trần Thành C' do T mua lại từ một người không biết tên rồi chỉ đạo Trần Thị Th giả chữ ký của C' để lập thủ tục chuyển tên giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Cty từ T sang cho Trần Thành C' nhằm che giấu hành vi lập Cty bán trái phép hóa đơn của mình. Qua xác minh, Trần Thành C' cùng gia đình không sinh sống tại địa phương, đi đâu không rõ.

- Cty TNHH MTV NGB: Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0401655437 do Sở KH TP Đà Nẵng cấp. Ngành nghề kinh doanh: xây dựng công trình, buôn bán sữa chữa máy móc, thiết bị, phụ tùng ...

Ngày 07/01/2015, theo sự chỉ đạo của Nguyễn Phương T, Trần Thị Th lập và ký các thủ tục thành lập công ty NGB do Th đứng tên Giám đốc, người đại diện theo pháp luật.

Ngày 23/01/2015, Nguyễn Phương T sử dụng CMND mang tên Nguyễn Hữu T. do T mua từ một người không biết tên rồi chỉ đạo Trần Thị Th làm thủ tục chuyển tên giám đốc, người đại diện theo pháp luật sang cho người này nhằm che giấu hành vi lập công ty để bán trái phép hóa đơn GTGT. Qua xác minh, ông Nguyễn Hữu T. bị mất CMND vào năm 2012 nên không biết việc thành lập và đứng tên giám đốc Cty này.

Ngày 15/7/2015, Cty NGB thay đổi địa điểm kinh doanh sang địa chỉ: xx đường KĐ, P. TĐ, Q. T, Tp Đà Nẵng.Tuy nhiên, kết quả xác minh các địa chỉ kinh doanh trênkhông có văn phòng, không treo biển hiệu, không có hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế.

1.2 In, phát hành hóa đơn:

Từ danh nghĩa pháp nhân của 02 Cty nêu trên, Nguyễn Phương T đã thông qua sự giúp sức của Trần Thị Th để hợp đồng in và phát hành hóa đơn 1750 tờ hóa đơn GTGT tại các Chi cục Thế, cụ thể như sau:

- Cty TKN:Từ tháng 9/2014 đến Quý 4/2015, Trần Thị Th giả chữ ký của T và Trần Thành C' ký 03 Hợp đồng với Cty in S.T để in hóa đơn, đăng ký tại Chi cục thuế Q. S phát hành 1000 tờ hóa đơn có ký hiệu KN/14P và KN/15P.

- Cty NGB: Từ Quý 1/2015 đến Quý 1/2016, Trần Thị Th ký 02 Hợp đồng với Cty in S.T để in hóa đơn, đăng ký tại Chi cục thuế Q. T phát hành 750 tờ hóa đơn có ký hiệu GB/15P.

1.3 Mua, bán trái phép hóa đơn:

Kết quả điều tra thể hiện, Cty TKN và NGB đã xuất tổng cộng 1472 tờ hóa đơn với tổng doanh số chưa thuế 42.162.969.097 đồng, cụ thể:

- Cty TKN: trong thời gian từ tháng 10/2014 đến tháng 12/2015, Cty đã kê khai xuất tổng cộng 866 tờ hóa đơn, tổng doanh số chưa thuế 32.540.417.004 đồng cho 269 doanh nghiệp. T khai nhận xuất bán trái phép toàn bộ 866 tờ hóa đơn trên, thu lợi bất chính số tiền 1.083.140.000 đồng, trong đó:

+ Thông qua Nguyễn Thị P xuất bán 831 tờ hóa đơn, tổng doanh số chưa thuế 31.785.886.495 đồng, T thu lợi bất chính 1.037.900.000 đồng (3 – 4% theo doanh số chưa thuế ghi trên hóa đơn).

+ Thông qua Trần Thị Th xuất bán 28 tờ hóa đơn, doanh số chưa thuế 538.294.309 đồng, T thu lợi bất chính 32.270.000 đồng (6% theo doanh số chưa thuế ghi trên hóa đơn).

+ Thông qua đối tượng không rõ tên, địa chỉ xuất bán 07 tờ hóa đơn, doanh số chưa thuế 216.235.200 đồng, T thu lợi bất chính 12.970.000 đồng (6% theo doanh số chưa thuế ghi trên hóa đơn).

- Cty NGB trong thời gian từ tháng 4/2015 đến tháng 03/2016, Cty đã kê khai xuất tổng cộng 606 tờ hóa đơn, tổng doanh số chưa thuế 9.622.552.093 đồng cho 244 doanh nghiệp, T khai toàn bộ số hóa đơn này đều do P xuất bán, T không hưởng lợi từ việc bán hóa đơn và thu tiền trên doanh số bán ra, mà thu lợi số tiền 290.000.000 đồng từ việc cung cấp hóa đơn đầu vào để hợp thức kê khai thuế cho Cty NGB (3% trên giá trị chưa thuế ghi trên hóa đơn).

Tổng số tiền Nguyễn Phương T thừa nhận thu lợi bất chính là 1.373.140.000 đồng, tiền này T trực tiếp nhận hoặc P và Th gửi vào tài khoản cá nhân cho T. T khai số tiền thu lời bất chính từ việc bán trái phép hóa đơn đều sử dụng chi tiêu cá nhân. Quá trình điều tra, T tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính 50.000.000 đồng (hiện đang được lưu tại tài khoản tạm giữ số 3941.0.1012230.00000 của Sở Tc mở tại Kho bạc Nhà nước TP Đà Nẵng).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra phát hiện Cty NGB đã sử dụng tài khoản số 014553230001mở tại Ngân hàng Đ – PGD ĐBP để hợp thức hóa việc thanh toán qua ngân hàng trong quá trình mua bán trái phép hóa đơn. Hiện nay đã phong tỏa số tiền 483.316.318 đồng (Bốn trăm tám mươi ba triệu ba trăm mười sau ngàn ba trăm mười tám đồng).

Nguyễn Phương T đã mua 117 tờ hóa đơn GTGT trái phép của 20 doanh nghiệp khác trên cả nước để kê khai đầu vào của 02 Cty TKN và NGB, cụ thể:

- Cty TKN: trong thời gian từ tháng 9/2014 đến tháng 12/2015 kê khai đầu vào 78 hóa đơn của 18 doanh nghiệp với giá trị chưa thuế 32.653.133.726 đồng.

- Cty NGB trong thời gian từ tháng 01/2015 đến tháng 03/2016 kê khai đầu vào 39 hóa đơn của 09 doanh nghiệp với doanh số chưa thuế 9.675.979.111 đồng.

Nguyễn Phương T thừa nhận: toàn bộ 117 tờ hóa đơn đầu vào đã kê khai với Cơ quan Thế nêu trên là do T mua từ một người tên Q (không rõ địa chỉ) với giá 1,5% theo giá trị chưa thuế ghi trên hóa đơn để cân đối, tự khấu trừ thuế và để che giấu việc xuất bán khống hóa đơn của 02 Cty do mình thành lập.

2. Hành vi của Trần Thị Th:

Trần Thị Th khai nhận: Vào tháng 8/2014, Th quen biết với Nguyễn Phương T và được T thuê làm dịch vụ thành lập Cty TKN do T đứng tên giám đốc, người đại diện pháp luật. Sau đó T tiếp tục thuê Th làm kế toán dịch vụ để hợp đồng in hóa đơn, làm con dấu, mở tài khoản Ngân hàng và kê khai thuế cho Cty này với tiền lương 5.000.000 đồng/tháng. Theo sự chỉ đạo của T, Th ký giả chữ ký của T để hợp đồng in hóa đơn rồi

mang toàn bộ hóa đơn đã đặt in, con dấu của Cty TKN cho Nguyễn Thị P để P xuất bán trái phép hóa đơn GTGT,Th còn hỗ trợ cho P viết hóa đơn, giao dịch rút và chuyển tiền tại Ngân hàng. Đồng thời, Th ký giả chữ ký của T, giả chữ ký Trần Thành C' để chuyển quyền chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật của Cty từ Nguyễn Phương T sang tên Trần Thành C'.

Vào tháng 01/2015, mặc dù biết T thành lập doanh nghiệp để bán trái phép hóa đơn nhằm thu lợi bất chính nhưng Th vẫn giúp sức cho T thành lập Cty NGB do Th đứng tên giám đốc, người đại diện theo pháp luật và ký hợp đồng đặt in, đăng ký phát hành hóa đơn. Đến cuối tháng 01/2015, theo sự chỉ đạo của T, Th làm thủ tục và ký giả chữ ký của Nguyễn Hữu T. để chuyển tên sở hữu và người đại diện theo pháp luật của Cty NGB từ Th sang cho người này và tiếp tục ký giả chữ ký của Nguyễn Hữu T. để in hóa đơn rồi mang toàn bộ hóa đơn đã đặt in cho Nguyễn Thị P xuất bán trái phép.

Trần Thị Th có vai trò giúp sức cho Nguyễn Phương T, Nguyễn Thị P viết hóa đơn, ký giả chữ ký giám đốc trên hóa đơn Cty TKN, NGB để xuất bán cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua hóa đơn. Đối với hóa đơn có doanh số trên 20 triệu đồng, Th là người trực tiếp đi chuyển tiền và rút tiền để hợp thức việc mua bán hóa đơn,nhận tiền thu lợi bất chính từ P chuyển vào tài khoản cá nhân cho T. Định kỳ hàng tháng, hàng quý, Th gặp P lấy liên lưu hóa đơn đầu ra để lập bảng kê khai báo cáo với Cơ quan Thế,trong thời gian từ tháng 10/2014 đến tháng 12/2015 cho 02 Cty. Tổng cộng, Th được T trả số tiền: 65.000.000 đồng cho những việc làm trên. T dùng tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán hóa đơn để trả công cho Th và yêu cầu Th đến gặp P để nhận. Trần Thị Th thừa nhận số tiền 65.000.000 đồng trên là tiền thu lợi bất chính.

Ngoài ra Trần Thị Th còn làm trung gian cho T xuất bán 41 hóa đơn Cty TKN, doanh số 2.513.670.709 đồngvà 01 hóa đơn Cty NGB, doanh số 125.360.000 đồng cho 05 doanh nghiệp. Hóa đơn Th lấy từ T với giá từ 6 – 6,8% theo doanh số chưa thuế rồi bán lại cho các trung gian không biết tên, địa chỉ với giá từ 6,2 – 8% để thu lợi bất chính số tiền 8.930.000 đồng.

Tổng cộng, Trần Thị Th thu lợi bất chính số tiền 73.930.000 đồng,Th đã nộp lại tiền thu lợi bất chính 8.950.000 đồng.

3. Hành vi của Nguyễn Thị P:

Nguyễn Thị P khai nhận: Vào tháng 9/2014, P quen biết với Nguyễn Phương T và thỏa thuận cùng nhau mua bán trái phép hóa đơn GTGT để thu lợi bất chính.Theo đó, trong thời gian từ tháng 9/2014 đến tháng 3/2016, P đã làm trung gian cho T xuất bán trái phép 1408 tờ hóa đơn, gồm:

- Cty TKN: 803 tờ hóa đơn, doanh số chưa thuế 22.052.289.029 đồng.

- Cty NGB: 605 tờ hóa đơn, doanh số chưa thuế 9.497.192.093 đồng.

Hóa đơn P lấy của T với giá từ 5,5 – 6,5% theo doanh số chưa thuế ghi trên hóa đơn rồi bán lại với giá từ 6 – 9,5%. Thực hiện việc bán trái phép hóa đơn Cty TKN và NGB, ngoài việc tự mình viết hóa đơn, P được sự giúp sức của Trần Thị Th trong việc viết hóa đơn, rút và chuyển tiền qua ngân hàng để hợp thức.Tổng số tiền P thu lợi bất chính là 259.840.000 đồng.

Ngoài việc làm trung gian cho Nguyễn Phương T bán trái phép hóa đơn Cty TKN và NGB như trên, vào năm 2013 và 2016, Nguyễn Thị P thành lập 02 Cty KBM và QTP để bán trái phép hóa đơn cho các doanh nghiệp nhằm thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

3.1 Thành lập doanh nghiệp nhằm mục đích bán hóa đơn:

- Ngày 06/11/2012, Nguyễn Thị P thành lập Cty TNHH TMDV XNK SN, địa chỉ: số v đường B, P. KTr, Q. C, TP Đà Nẵng gồm 02 thành viên do Nguyễn Thị P làm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật và Đỗ Thị Kim P (sinh năm 1976, thường trú tại: Tổ g, P. KTr, Q. C, TP Đà Nẵng) là thành viên. Đỗ Thị Kim P không biết việc mình đứng tên thành viên của Cty này mà do Nguyễn Thị P tự ý sử dụng CMND rồi giả chữ ký để đăng ký. Ngày 17/11/2012, P đổi tên Cty thành Cty TNHH TMDV XNK KBM (Cty KBM). Theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0401517109 do Sở KH TP Đà Nẵng cấp, ngành nghề hoạt động của Cty là: buôn bán vật liệu, máy móc thiết bị,

phụ tùng ... nhưng qua xác minh, Cty KBM không có hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế.

- Ngày 18/01/2016, Nguyễn Thị P tiếp tục thành lập Cty TNHH MTV QTP (Cty QTP) địa chỉ: số k đường TQ, P. TQ, Q. S, TP Đà Nẵng, do Lưu Trọng Q đứng tên giám đốc, người đại diện theo pháp luật. Đến ngày 31/3/2016, P lập thủ tục chuyển sang cho mình đứng tên giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Cty. Theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0401729618 do Sở KHTP Đà Nẵng cấp, ngành nghề hoạt động của Cty là: xây dựng công trình, buôn bán sữa chữa máy móc, thiết bị, phụ tùng ... nhưng qua xác minh, Cty QTP không có hoạt động kinh doanh thực tế; ông Lưu Trọng Q bị mất CMND vào năm 2015 và hoàn toàn không biết việc thành lập Cty và đứng tên giám đốc Cty này.

3.2 In, phát hành hóa đơn:

Nguyễn Thị P hợp đồng in 3000 tờ hóa đơn và đăng ký phát hành 2650 tờ hóa đơn GTGT như sau:

- Cty KBM: từ tháng 01/2013 đến tháng 07/2013, Hợp đồng với Cty in TC để in hóa đơn, đăng ký tại Chi cục thuế Q. C phát hành 2500 tờ hóa đơn có ký hiệu BM/13P.

- Cty QTP: từ tháng 01/2016 đến tháng 06/2016, Nguyễn Thị P giả chữ ký Lưu Trọng Q ký Hợp đồng với Cty in M.M để in 500 tờ hóa đơn, nhưng Cty chỉ đăng ký tại Chi cục thuế Q. S phát hành 150 tờ ký hiệu TP/16P.

3***.3 Mua, bán hóa đơn trái phép:***

Kết quả điều tra thể hiện: sau khi thành lập doanh nghiệp và in được hóa đơn GTGT, Nguyễn Thị P đã trực tiếp hoặc thông qua trung gian không rõ tên, địa chỉ để xuất bán trái phép 446 tờ hóa đơn cho nhiều doanh nghiệp nhằm thu lợi bất chính.Trong đó, đối với hóa đơn Cty KBM, P bán với giá 8 - 9% theo doanh số chưa thuế, còn đối với hóa đơn Cty QTP, P bán với giá 6%. Cụ thể:

- Cty KBM: từ tháng 01/2013 đến tháng 07/2013, Cty đã kê khai xuất tổng cộng 356 tờ hóa đơn, tổng doanh số chưa thuế 5.145.186.852 đồng cho 96 doanh nghiệp, P thu lợi bất chính 421.250.000 đồng, trong đó: P trực tiếp bán 79 tờ hóa đơn, thu lợi số tiền 87.150.000 đồng; còn lại 277 tờ hóa đơn, P bán thông qua các đối tượng không rõ tên, địa chỉ, thu lợi số tiền 334.100.000đ.

- Cty QTP: từ tháng 01/2016 đến tháng 06/2016, Cty đã kê khai xuất tổng cộng 90 tờ hóa đơn, tổng doanh số chưa thuế 1.355.291.734 cho 58 doanh nghiệp, P thu lợi bất chính số tiền 81.300.000 đồng, trong đó: P trực tiếp bán 06 hóa đơn, thu lợi bất chính 3.700.000 đồng;còn lại 84 hóa đơn, P bán thông qua các đối tượng không rõ tên, địa chỉ thu lợi số tiền 77.600.000đồng.

Quá trình khám xét, Cơ quan điều tra đã thu được liên lưu hóa đơn đầu ra của Cty QTP. Qua đấu tranh, Nguyễn Thị P thừa nhận thu lợi bất chính số tiền 502.550.000đ từ việc thành lập 02 Cty KBM và QTP để bán trái phép toàn bộ 446 tờ hóa đơn với tổng doanh số chưa thuế là 6.500.478.586 đồng như đã kê khai với Cơ quan Thế.

Ngoài ra, Nguyễn Thị P thừa nhận doanh số đầu vào 6.537.371.901 đồng mà 02 Cty đã kê khai với Cơ quan Thế là do P mua hóa đơn của doanh nghiệp khác để cân đối, tự khấu trừ thuế và để hợp thức việc bán hóa đơn của 02 Cty trên, trong đó: 55 tờ hóa đơn do 08 doanh nghiệp xuất đầu vào cho Cty KBM, doanh số 5.114.147.102 đồng là do P mua thông qua Trần Thị Thanh H (không rõ địa chỉ) với giá 7,5% theo giá trị trước thuế với số tiền là 383.560.000 đồng; còn lại doanh số 1.423.224.799 đồng đầu vào của Cty QTP (không kê khai chi tiết nên không xác định đượctên doanh nghiệp và số lượng hóa đơn), P mua thông qua một người tên H’ (không rõ địa chỉ) với giá 5% theo doanh số chưa thuế với số tiền là 71.100.000 đồng.

Tổng cộng, Nguyễn Thị P đã bán trái phép 1854 tờ hóa đơn của 04 Cty TKN, NGB, KBM và QTP với tổng doanh số 38.049.959.708 đồng, thu lợi bất chính số tiền 762.390.000 đồng.

Nguyễn Thị P đã nộp lại tiền thu lợi bất chính 100.000.000 đồng.

4. Doanh nghiệp mua và bán hóa đơn:

4.1. Doanh nghiệp bán hóa đơn:

04 Cty TKN, NGB, KBM và QTP do Nguyễn Phương T và Nguyễn Thị P thành lập kê khai đầu vào tổng số lượng hóa đơn 172 tờ. Cơ quan điều tra đã xác minh được 13 doanh nghiệp đã xuất 141 tờ hóa đơn cho 04 Cty trên. Trong 13 doanh nghiệp đã được xác minh này, có 07 doanh nghiệp xuất hóa đơn không đủ cấu thành tội phạm theo Thông tư liên tịch số 10/2013/TTLT ngày 26/06/2013,còn lại có 06 doanh nghiệp xuất bán hóa đơn có số lượng lớn, gồm:

4.1.1 Cty TNHH TM&DV HĐ (địa chỉ: x/z đường h, KP v, P. HBC, Q. TĐ, TP Hồ Chí Minh) xuất 10 hóa đơn, doanh số 2.341.788.008 đồng.

4.1.2 Cty TNHH BA (địa chỉ: số A đường K.V.C, P. HBC, Q. TĐ, TP Hồ Chí Minh) xuất 15 hóa đơn, doanh số 4.708.154.753 đồng.

4.1.3 Cty TNHH MTV XNK TTN (địa chỉ: số n đường số z, P. B, Quận i, TP Hồ Chí Minh) xuất 20 hóa đơn, doanh số 4.137.653.010 đồng.

4.1.4 Cty TNHH TM DV XNK P.M.N (địa chỉ: z/y đường T, P. TX, Quận y, TP Hồ Chí Minh) xuất 18 hóa đơn, doanh số 3.171.689.148 đồng.

4.1.5 Cty TNHH TM DV A.Z.N (địa chỉ: số b, đường T, P. TX, Quận y, TP Hồ Chí Minh) xuất 12 hóa đơn, doanh số 3.945.559.420 đồng.

4.1.6 Cty TNHH P.G (địa chỉ: Tổ n, P. KTr, Q. C, TP Đà Nẵng) xuất 35 hóa đơn, doanh số chưa thuế 885.345.426 đồng.

Trong 06 doanh nghiệp trên,Cty TNHH P.G hiện đã ngưng hoạt động kinh doanh và người đứng tên đại diện pháp luật không sinh sống tại địa phương, đi đâu không rõ nên không có căn cứ để điều tra xử lý về hình sự; đối với 05 doanh nghiệp còn lại đều đăng ký trụ sở kinh doanh tại TP Hồ Chí Minh, có dấu hiệu thành lập Cty để mua bán hóa đơn trái phép, ngoài xuất bán cho 02 Cty của Nguyễn Phương T thành lập còn xuất bán cho nhiều doanh nghiệp khác tại TP Hồ Chí Minh, nên Cơ quan điều tra có văn bản

chuyển hồ sơ, tài liệu liên quan đến 05 doanh nghiệp đã xác minh trên cũng như các doanh nghiệp khác (có trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh) cho Cơ quan điều tra Công an TP Hồ Chí Minh để điều tra xử lý theo thẩm quyền.

4.2 Doanh nghiệp mua hóa đơn:

Trong tổng số 1918 hóa đơn của 04 Cty TKN, NGB, KBM, QTP do Nguyễn Phương T và Nguyễn Thị P thành lập đã bán cho nhiều doanh nghiệp, Cơ quan điều tra đã xác minh được 35 doanh nghiệp, sử dụng 713 tờ hóa đơn với doanh số 19.371.323.842 đồng,trong đó: có 20 doanh nghiệp thừa nhận không có quan hệ với Nguyễn Phương T và Nguyễn Thị P, khi mua hàng hóa dịch vụ người bán hàng giao hóa đơn, chứng từ ghi tên 04 Cty trên; có 15 doanh nghiệp thừa nhận mua hóa đơn để hợp thức hàng hóa, dịch vụ cho doanh nghiệp mình. Trong 14 doanh nghiệp thừa nhận mua hóa đơn để hợp thức trên có 12 doanh nghiệp mua hóa đơn không đủ định lượng cấu thành tội phạm theo Thông tư liên tịch số 10/2013/TTLT ngày 26/06/2013 của Bộ Tư Pháp - Bộ C' An - Tòa Án NDTC - Viện kiểm sát NDTC - Bộ Tài Chính hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật Hình sự đối với tội mua bán hóa đơn GTGT trái phép; có 03 doanh nghiệp mua hóa đơn với số lương lớn gồm:

4.2.1 Cty TNHH QPH mua 190 hóa đơn, tổng doanh số: 2.235.682.545 đồng, gồm: 69hóa đơn Cty KBM; 68 hóa đơn Cty TKN; 49 hóa đơn Cty NGB và 04 hóa đơn Cty QTP. Việc mua hóa đơn do nhân viên tự liên hệ chứ không có chỉ đạo của lãnh đạo Cty, trong đó: Phạm Văn Ng mua 30 hóa đơn, Nguyễn Văn Tiến Tr (sinh năm 1986, thường trú tại: Tổ u, P. KTr, Q. C) mua 124 hóa đơn và Hà Văn Tr (sinh năm 1979, thường trú tại: Tổ o, P. H, Q. C) mua 36 hóa đơn. 3 nhân viên này đều khai mua hóa đơn của Nguyễn Thị P và P cũng thừa nhận trực tiếp bán 190 tờ hóa đơn nêu trên.(BL: 890-938)

4.2.2 Cty TNHH THH và Cty TNHH K mua 53 hóa đơn Cty TKN. Việc mua hóa đơn này do Nguyễn Thị TH kế toán Cty thực hiện theo sự chỉ đạo của chủ doanh nghiệp

là Giáp Thanh H.Nguyễn Thị P thừa nhận trực tiếp bán 53 tờ hóa đơn Cty TKN cho Nguyễn Thị TH.

Ngoài ra, Giáp Thanh H – Giám đốc THH và Cty K khai nhận đã cùng với Nguyễn Thị TH bán hóa đơn Cty THH và Cty K cho nhiều doanh nghiệp để lấy tiền trả lương cho Nguyễn Thị TH. Xác minh ban đầu thể hiện Cty THH và Cty K đã xuất khống 150 hóa đơn, mua khống 114 hóa đơn của nhiều doanh nghiệp và doanh số mua vào bán ra khoảng 10 tỷ đồng.

4.2.3 Cty CP Ô tô VHM : Cty VHM đã kê khai thuế đầu vào 13 hóa đơn do nhân viên Đào Văn Cử liên hệ mua trái phép.Xét thấy, Đào Văn C mua hóa đơnvới số lượng ít, hàng hóa ghi trên hóa đơn là có thật,mục đích muahóa đơn nhằm quyết toán hoàn ứng với Cty mà không vụ lợi cá nhân.

Xét thấy đối với các công ty TNHH THH, K và Cty QPH, Cty VHM và một số doanh nghiệp khác có hành vi mua bán hoá đơn trái phép theo điều 164a BLHS nhưng do thời hạn điều tra đã hết , các doanh nghiệp mua bán hoá đơn ở nhiều nơi, cần có thời gian thu thập, điều tra làm rõ, nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố vụ án và tách ra để điều tra xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 20 /CT-VKS ngày 25/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố Nguyễn Phương T, Nguyễn Thị P, Trần Thị Th về tội: *"Mua bán trái phép hoá đơn chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước"* theo quy định tại Điều 164a BLHS và đề nghị HĐXX áp dụng và xử phạt :

- **Nguyễn Phương T** theo điểm a, b, d, đ khoản 2 Điều 164a, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt Nguyễn Phương T từ **02** năm đến **03** năm tù.

- **Nguyễn Thị P** theo điểm a, b, d, đ khoản 2 Điều 164a, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt Nguyễn Thị P từ **01** năm đến **02** năm tù.

- Trần Thị Th theo điểm a, b, d khoản 2 Điều 164a BLHS, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, Đề nghị xử phạt Trần Thị Th từ **01** năm đến **01** năm **03** tháng tù.

Tại phiên tòa các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau :

[**1**] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra C’ an thành phố Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người đã tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[**2**] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Phương T, Nguyễn Thị P, Trần Thị Th đã khai nhận: Từ năm 2014 đến năm 2016, Nguyễn Phương T, Nguyễn Thị P và Trần Thị Th tổ chức thành lập ra nhiều công ty để bán trái phép hóa đơn GTGT với số lượng đặc biệt lớn, thu lợi bất chính lớn, cụ thể như sau:Nguyễn Phương T: đã chỉ đạo Nguyễn Thị P, Trần Thị Th thành lập công ty TKN và NGB, viết, ký và xuất bán khống tổng cộng 1472 tờ hóa đơn của hai công ty này với tổng doanh số chưa thuế 42.162.969.097 đồng, T thu lợi bất chính 1.373.140.000đ; Nguyễn Thị P đã trực tiếp giúp cho Nguyễn Phương T xuất bán khống 1408 hoá đơn với tổng doanh số chưa thuế là 31.549.481.122đ của công ty TKN và công ty NGB thu lợi bất chính 259.840.000đ. Đồng thời trực tiếp thành lập 02 Cty KBM và QTP xuất bán 446 hoá đơn vơi tổng doanh số chưa thuế là 6.500.478.586đ thu lợi bất chính 502.550.000đ. Tổng

cộng, Nguyễn Thị P đã bán trái phép 1854 hoá đơn doanh số chưa thuế là 38.049.959.708đ của 04 công ty, thu lợi bất chính tổng số tiền 762.390.000đ và Trần Thị Th giúp cho Nguyễn Phương T, Nguyễn Thị P trong việc thành lập công ty TKN, NGB và xuất bán khống 1472 hoá đơn, thu lợi bất chính số tiền 73.930.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng của các bị cáo gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Vụ án có tổ chức, giữa các bị báo có mối liên hệ chặc chẽ nên cần xem xét, đánh giá vai trò, hành vi của từng bị cáo để phân hóa trách nhiệm hình sự nhằm áp dụng mức hình phạt cho phù hợp:

Đối với bị cáo **Nguyễn Phương T** là người chủ mưu cầm đầu, trực tiếp chỉ đạo việc thành lập 2 công ty TKN và NGB. Lẽ ra bị cáo phải chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về quản lý hóa đơn, nhưng ngược lại để hưởng lợi bị cáo đã chỉ đạo cho Trần Thị Th ký đi in hóa đơn GTGT, đăng ký khống, kê khai thuế khống và thông qua Nguyễn Thị P, Trần Thị Th bán trái phép hóa đơn tờ1472 hoá đơn với tổng doanh số chưa thuế là 42.162.969.097 đồng thu lợi bất chính số tiền 1.373.140.000đ đồng. Đây là vụ án phạm tội có tổ chức. Vai trò của Nguyễn Phương T trong vụ án là nguy hiểm, là người chủ mưu, cầm đầu, hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất chuyên nghiệp, số lượng hóa đơn bị cáo bán khống là rất lớn, đặc biệt lớn; thu lợi bất chính lớn. Hành vi phạm tội của Nguyễn Phương T thuộc tình tiết định khung quy định tại các điểm a, b, d, đ khoản 2 Điều 164a BLHS nên đối với bị cáo cần xử phạt nghiêm mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

Bị cáo **Nguyễn Thị P** là người trực tiếp giúp cho Nguyễn Phương T xuất bán khống 1408 hoá đơn với tổng doanh số chưa thuế là 31.549.481.122đ của công ty TKN và công ty NGB thu lợi bất chính **2**59.840.000đ. Đồng thời trực tiếp thành lập 02 Cty KBM và QTP để xuất bán 446 hoá đơn vơi tổng doanh số chưa thuế là 6.500.478.586đ thu lợi bất chính 502.550.000đ. Tổng cộng, Nguyễn Thị P đã bán trái phép 1854 hoá đơn doanh số chưa thuế là 38.049.959.708đ của 04 cty, thu lợi bất chính tổng số tiền 762.390.000đ. Bị cáo là người thực hành đồng thời là người giúp sức tích cực để bị cáo

T thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của Nguyễn Thị P thuộc tình tiết định khung quy định tại các điểm a, b, d, đ khoản 2 Điều 164a BLHS nên cần lên án và áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà Nguyễn Thị P gây ra.

Đối với **Trần Thị Th** là người giúp sức tích cực cho Nguyễn Phương T trong việc thành lập công ty TKN, NGB và giúp Nguyễn Thị P xuất bán khống 1472 hoá đơn, bản thân bị cáo thu lợi bất chính số tiền 73.930.000 đồng do vậy bị cáo cũng phải chịu một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[3] Tuy nhiên xét các bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, sau khi phạm tội đã tự nguyện nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính. Các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm p khoản 1 và 2 Điều 46 BLHS và sẽ được HĐXX xem xét khi lượng hình.

[4] Trong vụ án này đối với các Doanh nghiệp :

4.1 Doanh nghiệp bán hóa đơn:

04 Cty TKN, NGB, KBM và QTP do Nguyễn Phương T và Nguyễn Thị P thành lập kê khai đầu vào tổng số lượng hóa đơn 172 tờ. Cơ quan điều tra đã xác minh được 13 doanh nghiệp đã xuất 141 tờ hóa đơn cho 04 Cty trên. Trong 13 doanh nghiệp đã được xác minh này, có 07 doanh nghiệp xuất hóa đơn không đủ cấu thành tội phạm theo Thông tư liên tịch số 10/2013/TTLT ngày 26/06/2013, còn lại có 06 doanh nghiệp xuất bán hóa đơn có số lượng lớn, gồm:

+ Cty TNHH TM&DV HĐ (địa chỉ: x đường y, KP z, P. HBC, Q. TĐ, TP Hồ Chí Minh) xuất 10 hóa đơn, doanh số 2.341.788.008 đồng.

+ Cty TNHH BA (địa chỉ: y đường K.V.C, P. HBC, Q. TĐ, TP Hồ Chí Minh) xuất 15 hóa đơn, doanh số 4.708.154.753 đồng.

+ Cty TNHH MTV XNK TTN (địa chỉ: h đường số x, P. B, Quận 2, TP Hồ Chí Minh) xuất 20 hóa đơn, doanh số 4.137.653.010 đồng.

+ Cty TNHH TM DV XNK P.M.N (địa chỉ: y đường T, P. TX, Quận 12, TP Hồ Chí Minh) xuất 18 hóa đơn, doanh số 3.171.689.148 đồng.

+ Cty TNHH TM DV A.Z.N (địa chỉ: xz, đường T, P. TX, Quận 12, TP Hồ Chí Minh) xuất 12 hóa đơn, doanh số 3.945.559.420 đồng.

+ Cty TNHH P.G (địa chỉ: Tổ h, P. KTr, Q. C, TP Đà Nẵng) xuất 35 hóa đơn, doanh số chưa thuế 885.345.426 đồng.

Trong 06 doanh nghiệp trên,Cty TNHH P.G hiện đã ngưng hoạt động kinh doanh và người đứng tên đại diện pháp luật không sinh sống tại địa phương, đi đâu không rõ nên không có căn cứ để điều tra xử lý về hình sự; đối với 05 doanh nghiệp còn lại đều đăng ký trụ sở kinh doanh tại TP Hồ Chí Minh, có dấu hiệu thành lập Cty để mua bán hóa đơn trái phép, ngoài xuất bán cho 02 Cty của Nguyễn Phương T thành lập còn xuất bán cho nhiều doanh nghiệp khác tại TP Hồ Chí Minh, nên Cơ quan điều tra có văn bản chuyển hồ sơ, tài liệu liên quan đến 05 doanh nghiệp đã xác minh trên cũng như các doanh nghiệp khác (có trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh) cho Cơ quan điều tra C' an TP Hồ Chí Minh để điều tra xử lý theo thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp

4.2 Doanh nghiệp mua hóa đơn:

Trong tổng số 1918 hóa đơn của 04 Cty TKN, NGB, KBM, QTP do Nguyễn Phương T và Nguyễn Thị P thành lập đã bán cho nhiều doanh nghiệp, Cơ quan điều tra đã xác minh được 35 doanh nghiệp, sử dụng 713 tờ hóa đơn với doanh số 19.371.323.842 đồng, trong đó: có 20 doanh nghiệp thừa nhận không có quan hệ với Nguyễn Phương T và Nguyễn Thị P, khi mua hàng hóa dịch vụ người bán hàng giao hóa đơn, chứng từ ghi tên 04 Cty trên; có 15 doanh nghiệp thừa nhận mua hóa đơn để hợp thức hàng hóa, dịch vụ cho doanh nghiệp mình. Trong 15 doanh nghiệp thừa nhận mua hóa đơn để hợp thức trên có 12 doanh nghiệp mua hóa đơn không đủ định lượng cấu thành tội phạm theo Thông tư liên tịch số 10/2013/TTLT ngày 26/06/2013 của Bộ Tư Pháp - Bộ C' An - Tòa Án NDTC - Viện kiểm sát NDTC - Bộ Tài Chính hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật Hình sự đối với tội mua bán hóa đơn GTGT trái phép; có 03 doanh nghiệp mua hóa đơn với số lượng lớn gồm:

+ Cty TNHH QPH (địa chỉ: h đường NHT, P. KTr, Q. C, TP Đà Nẵng) mua 190 hóa đơn, tổng doanh số: 2.235.682.545 đồng, gồm: 69hóa đơn Cty KBM; 68 hóa đơn Cty TKN; 49 hóa đơn Cty NGB và 04 hóa đơn Cty QTP. Việc mua hóa đơn do nhân viên tự liên hệ chứ không có chỉ đạo của lãnh đạo Cty, trong đó: Phạm Văn Ng (sinh năm 1972, thường trú tại: Tổ a, P. HTĐ, Q. C) mua 30 hóa đơn, Nguyễn Văn Tiến Tr (sinh năm 1986, thường trú tại: Tổ c, P. KTr, Q. C)mua 124 hóa đơn và Hà Văn Trung (sinh năm 1979, thường trú tại: Tổ d, P. H, Q. C) mua 36 hóa đơn. 3 nhân viên này đều khai mua hóa đơn của Nguyễn Thị P và P cũng thừa nhận trực tiếp bán 190 tờ hóa đơn nêu trên.(BL: 890-938)

+ Cty TNHH THH (địa chỉ: số v đường K, P. Hòa Xuân, Q. C) và Cty TNHH K (địa chỉ: Tổ x, P. HTĐ, Q. C) mua 53 hóa đơn Cty TKN. Việc mua hóa đơn này do Nguyễn Thị TH kế toán Cty thực hiện theo sự chỉ đạo của chủ doanh nghiệp là Giáp Thanh H. Nguyễn Thị P thừa nhận trực tiếp bán 53 tờ hóa đơn Cty TKN cho Nguyễn Thị TH.

Ngoài ra, Giáp Thanh H – Giám đốc THH và Cty K khai nhận đã cùng với Nguyễn Thị TH bán hóa đơn Cty THH và Cty K cho nhiều doanh nghiệp để lấy tiền trả lương cho Nguyễn Thị TH. Xác minh ban đầu thể hiện Cty THH và Cty K đã xuất khống 150 hóa đơn, mua khống 114 hóa đơn của nhiều doanh nghiệp và doanh số mua vào bán ra khoảng 10 tỷ đồng.

+ Cty CP Ô tô VHM (địa chỉ: x đường k, P. HCB, Q. HC, TP Đà Nẵng): Cty VHM đã kê khai thuế đầu vào 13 hóa đơn do nhân viên Đào Văn C liên hệ mua trái phép.Xét thấy, Đào Văn Cử mua hóa đơnvới số lượng ít, hàng hóa ghi trên hóa đơn là có thật,mục đích muahóa đơn nhằm quyết toán hoàn ứng với Cty mà không vụ lợi cá nhân.

Xét thấy đối với các công ty TNHH THH, K và Cty QPH, Cty VHM và một số doanh nghiệp khác có hành vi mua bán hoá đơn trái phép theo điều 164a BLHS nhưng do thời hạn điều tra đã hết , các doanh nghiệp mua bán hoá đơn ở nhiều nơi, cần có thời gian thu thập, điều tra làm rõ, nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố

vụ án và tách ra để điều tra xử lý sau (Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 55/PC46 ngày 12/7/2017). Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp và có căn cứ pháp luật.

[5] Về xử lý tang vật :

Đối với số tiền mà các bị cáo Nguyễn Phương T, Nguyễn Thị Phương, Trần Thị Th thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn, đây là tài sản do phạm tội mà có nên phải truy thu và buộc phải nộp lại toàn bộ khoản tiền thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn trái phép để sung quỹ nhà nước.

Tuyên tiếp tục quỹ trữ của :

+ Nguyễn Phương T: 01 Điện thoại di động N đã qua sử dụng, số máy Rxyz kèm theo sim mobifone số 0908.xxx,yyy; 01 Điện thoại di động S màu vàng đã qua sử dụng, số IMEI: 3532710700xyzkm kèm theo sim mobifone số 0908.abcxyz; 01 Điện thoại đi động I màu vàng đã qua sử dụng, số IMEI: 3532660703xxxcc kèm theo sim mobifone số 0908.yzy.yzy; 01 thẻ ATM Ngân hàng Đ mang tên Nguyễn Phương T, số thẻ 9704060359xxxxx; 01 thẻ ATM Ngân hàng H mang tên Nguyễn Phương T, số thẻ 97041609006xxxxx; 01 thẻ ATM Ngân hàng A mang tên Nguyễn Phương T, số thẻ 97040506260xxxxx; 01 thẻ ATM Ngân hàng S mang tên Nguyễn Phương T, số thẻ 970403612570xxxx; Số tiền 50.000.000đ; Tiếp tục phong tỏa số tiền số tiền 483.316.318 đồng tài khoản số 01455323xxxx mở tại Ngân hàng Đ – PGD ĐBP để hợp thức hóa việc thanh toán qua ngân hàng trong quá trình mua bán trái phép hóa đơn

+ Tiếp tục quy trữ của Nguyễn Thị P số tiền 100.000.000 đồng

+ Tiếp tục quy trữ của Trần Thị Th số tiền 58.950.000 đồng

- Đối với những cuốn hóa đơn giá trị gia tăng đã thu giữ cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: **Nguyễn Phương T**, **Nguyễn Thị Phương**, **Trần Thị Th**, phạm tội *"Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước".*

+ Áp dụng điểm a, b, d, đ khoản 2 Điều 164a; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phương T **02** *(hai)* năm **06** *(sáu)* tháng tù. thời gian thụ hình tính từ ngày tạm giam 01/12/2016.

+ Áp dụng điểm a, b, d, đ khoản 2 Điều 164a; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị P **01** *(một)* năm **06** (*sáu)* tháng tù. (Nhưng được trừ thời hạn tạm giam ngày 8/12/2016 đến ngày 24/01/2017). Thời gian thụ hình tính từ ngày bắt giam thi hành án

+ Áp dụng điểm a, b, d khoản 2 Điều 164a; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo **Trần Thị Th 01** *(một)* năm tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. ***Về xử lý vật chứng***: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 75, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên xử :Buộc bị cáo Nguyễn Phương T phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước là 1.373.140.000đ; Nguyễn Thị P là 762.390.000đ và Trần Thị Th số tiền 73.930.000 đồng.

Tuyên tiếp tục quy trữ để đảm thi hành án :

+ Nguyễn Phương T: 01 Điện thoại di động Nokia N đã qua sử dụng, số máy Rxxx kèm theo sim mobifone số 0908.xxx.xxx; 01 Điện thoại di động K màu vàng đã qua sử dụng, số IMEI: 3532710700xxxxx kèm theo sim mobifone số 0908.xxx.xxx; 01 Điện thoại đi động I màu vàng đã qua sử dụng, số IMEI: 3532660703xxxxx kèm theo sim mobifone số 0908.xxx.xxx; 01 thẻ ATM Ngân hàng Đ mang tên Nguyễn Phương T, số thẻ 970406035935xxxx; 01 thẻ ATM Ngân hàng K mang tên Nguyễn Phương T, số thẻ 970416090067xxxx; 01 thẻ ATM Ngân hàng A mang tên Nguyễn Phương T, số thẻ 970405062607xxxx; 01 thẻ ATM Ngân hàng S mang tên Nguyễn Phương T, số thẻ 970403612570xxxx; Số tiền 50.000.000đ.

+ Tiếp tục quy trữ của Nguyễn Thị P số tiền 100.000.000 đồng

+ Tiếp tục quy trữ của Trần Thị Th số tiền 58.950.000 đồng

(T bộ vật chứng hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HC, thành phố Đà Nẵng theo Quyết định số 701/QĐ – STC ngày 21.9.2107 của Sở Tc thành phố Đà Nẵng về việc xử lý số tiền theo đề nghị của C' an thành phố Đà Nẵng và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 8.9.2107 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra C' an thành phố Đà Nẵng và Chi cục Thi hành án dân sự quận HC, thành phố Đà Nẵng)

+ Tiếp tục phong tỏa số tiền số tiền 483.316.318 đồng tại tài khoản số 01455323xxxx mở tại Ngân hàng Đ – PGD ĐBP thành phố Đà Nẵng của Nguyễn Phương T.

3. Án phí HSST mỗi bị cáo phải chịu là **200.000** đồng

4. Các bị cáo, người quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- *VKSND Quận HC*
- *Công an Quận HC*
- *Chi cục THADS Q. HC*
- *Bị cáo*
- *Những người TGTT*
- *Lưu hồ sơ*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

ĐẶNG NGỌC KINH LUÂN